

UBND TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH GIẢNG DẠY
LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THÁI CHO CÁN BỘ, CHIẾN SỸ THUỘC CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ TRẠI GIAM,
CƠ SỞ GIÁO DỤC BẮT BUỘC, TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG K8.25

(Kèm theo kế hoạch số 344/KH-CĐSL ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Trường Cao đẳng Sơn La)

I. Lịch giảng dạy

Phần 1: Học chữ cái phụ âm, nguyên âm, phát âm và viết chữ Thái và học nguyên tắc ghép vần

Tuần 1: Từ 24/11/2025 đến ngày 29/11/2025

Thứ	Ngày	Buổi	Nội dung	Số tiết	Giảng viên
Hai	24/11/2025	S	Khai giảng		
		C	พห် 1: ແອຸ (๓)	3	Hà Thị Mai Hoa
		T	พห် 1: ແອຸ (๓) (tiếp)	3	
Ba	25/11/2025	S	พห် 1: ແອຸ (๓) (tiếp)	3	Hà Thị Mai Hoa
		C	พห် 1: ແອຸ (๓) (tiếp)	3	
Tư	26/11/2025	S	พห် 1: ແອຸ (๓) (tiếp)	3	Hà Thị Mai Hoa
		C	พห် 1: ແອຸ (๓) (tiếp)	3	
Năm	27/11/2025	S	พห် 2: ແອຸ ຄຸນ	3	Hà Thị Mai Hoa
		C	พห် 2: ແອຸ ຄຸນ (tiếp)	3	
Sáu	28/11/2025	S	พห် 2: ແອຸ ຄຸນ (tiếp)	3	Hà Thị Mai Hoa
		C	พห် 2: ແອຸ ຄຸນ (tiếp)	1	
			พห် 3: ອ ອຸ; ນ ອ; □; □; □	2	
Bảy	29/11/2025	S	พห် 3: ອ ອຸ; ນ ອ; □; □; □ (tiếp)	2	Hà Thị Mai Hoa
			พห် 4: □; □; □ ທ ທ ທ ທ	1	
		C	พห် 4: □; □; □ ທ ທ ທ ທ (tiếp)	3	

Tuần 2: Từ 01/12/2025 đến ngày 06/12/2025

Hai	01/12/2025	S	phần 5: □□; □□; □□ phần 3	3	Vi Thị Thanh
		C	phần 5: □□; □□; □□ phần 3 (tiếp)	1	
			phần 6: □□; □□; □□; x □□ □□ □□ □□	2	
Ba	02/12/2025	S	phần 6: □□; □□; □□; x □□ □□ □□ □□	2	Vi Thị Thanh
			phần 7: □□; □□; □□; □□ □□ □□ □□ □□	1	
		C	phần 7: □□; □□; □□; □□ □□ □□ □□ □□ (tiếp)	3	
Tư	03/12/2025	S	phần 8: □□; □□; □□; □□ □□ □□ □□ □□	3	Vi Thị Thanh
		C	phần 8: □□; □□; □□; □□ □□ □□ □□ □□	1	
			phần 9: □□; □□ □□ □□ □□ □□	2	
Năm	04/12/2025	S	phần 9: □□; □□ □□ □□ □□ □□ (tiếp)	2	Vi Thị Thanh
			phần 10: □□; □□; □□; □□	1	
		C	phần 10: □□; □□; □□; □□	3	
Sáu	05/12/2025	S	phần 11: □□ □□ □□ □□ □□	1	Vi Thị Thanh
			phần 12: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	2	
		C	phần 12: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	
Bảy	06/12/2025	S	phần 13: □□□; □□□; □□□	3	Vi Thị Thanh
		C	phần 13: □□□; □□□; □□□ (tiếp)	2	
			phần 14: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	1	

Tuần 3: Từ ngày 08/12/2025 đến ngày 13/12/2025

Hai	08/12/2025	S	phần 14: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	phần 14: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	2	
			phần 15: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	1	
Ba	09/12/2025	S	phần 15: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	phần 15: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	1	
			phần 16: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	2	
Tư	10/12/2025	S	phần 16: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	phần 17: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	3	
Năm	11/12/2025	S	phần 17: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	phần 18: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	3	
Sáu	12/12/2025	S	phần 18: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	phần 18: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	1	
			phần 19: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	2	
Bảy	13/12/2025	S	phần 19: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	phần 20: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	3	

Tuần 4: Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 20/12/2025

Thứ	Ngày	Buổi	Nội dung	Số tiết	Giảng viên
Hai	15/12/2025	S	phần 20: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	2	Cầm Thị Lan Hương
			phần 21: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	1	
		C	phần 21: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	
Ba	16/12/2025	S	phần 21: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	1	Cầm Thị Lan Hương
			phần 22: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□	2	
		C	phần 22: □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□; □□□ (tiếp)	3	

Tuần 5: Từ ngày 22/12/2025 đến ngày 27/12/2025					
Hai	22/12/2025	S	ພາສາ 28: ພອນ ເຈົ້າ ຈຳ ນີ້ ດັດ	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 28: ພອນ ເຈົ້າ ຈຳ ນີ້ ດັດ (tiếp)	1	
			Kiểm tra phần 1	2	
Ba	23/12/2025	Phần 2: Các bài đọc tích hợp			
		S	ພາສາ 1: ງານ ທາ ມີ ທິບ ລະ ຟັ ນຸ່ (Chào hỏi khi mới gặp nhau)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 1: ງານ ທາ ມີ ທິບ ລະ ຟັ ນຸ່ (Chào hỏi khi mới gặp nhau) (tiếp)	2	
			ພາສາ 2: ນອນ ປັນ ເວ ຕັ ນຸ່ ແທບ ນອນ ງານ (Đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn)	1	
Tư	24/12/2025	S	ພາສາ 2: ນອນ ປັນ ເວ ຕັ ນຸ່ ແທບ ນອນ ງານ (Đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn) (tiếp)	1	Cầm Thị Lan Hương
			ພາສາ 3: ອາປ ນອບ, ທໍ ນອບ ທຸ ນຸ່ ຄູ ນ (Mối quan hệ anh em, họ hàng của người Thái)	2	
		C	ພາສາ 3: ອາປ ນອບ, ທໍ ນອບ ທຸ ນຸ່ ຄູ ນ (Mối quan hệ anh em, họ hàng của người Thái) (tiếp)	2	
			ພາສາ 4: ຖະ ທອນ ຂຸ້ ດີ (Gia đình bác Vàng)	1	
Năm	25/12/2025	S	ພາສາ 4: ຖະ ທອນ ຂຸ້ ດີ (Gia đình bác Vàng)(tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 5: ຟັ ທຸບ ຊຸ ນຸ່ ຖະ ທອນ (Đồ dùng trong gia đình)	3	

Tuần 5: Từ ngày 22/12/2025 đến ngày 27/12/2025

Hai	22/12/2025	S	ພາສາ 28: ແປ ເຂົາ ຈາກ ປີ ໑໖	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 28: ແປ ເຂົາ ຈາກ ປີ ໑໖ (tiếp)	1	
			Kiểm tra phần 1	2	
Ba	23/12/2025	Phần 2: Các bài đọc tích hợp			
		S	ພາສາ 1: ງານ ທາ ທີ່ ທີ່ ພົ ພົ ພົ (Chào hỏi khi mới gặp nhau)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 1: ງານ ທາ ທີ່ ທີ່ ພົ ພົ ພົ (Chào hỏi khi mới gặp nhau) (tiếp)	2	
			ພາສາ 2: ນອກ ປາກ ເວົ້າ ຕໍ່ ພົ ພົ ນອກ ງານ (Đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn)	1	
Tư	24/12/2025	S	ພາສາ 2: ນອກ ປາກ ເວົ້າ ຕໍ່ ພົ ພົ ນອກ ງານ (Đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn) (tiếp)	1	Cầm Thị Lan Hương
			ພາສາ 3: ອາດ ນອກ, ທີ່ ນອກ ທີ່ ນອກ ງານ (Mối quan hệ anh em, họ hàng của người Thái)	2	
		C	ພາສາ 3: ອາດ ນອກ, ທີ່ ນອກ ທີ່ ນອກ ງານ (Mối quan hệ anh em, họ hàng của người Thái) (tiếp)	2	
			ພາສາ 4: ງານ ນອກ ງານ (Gia đình bác Vàng)	1	
Năm	25/12/2025	S	ພາສາ 4: ງານ ນອກ ງານ (Gia đình bác Vàng)(tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 5: ພົ ທີ່ ທີ່ ທີ່ ທີ່ ທີ່ (Đồ dùng trong gia đình)	3	

Sáu	26/12/2025	S	ພາສ 6: ຖະ ເໝ ຂຸ ປັນ (Gia đình bác Pân)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສ 6: ຖະ ເໝ ຂຸ ປັນ (Gia đình bác Pân) (tiếp)	1	
			ພາສ 7: ເອ ຝາ ເອ ມັ ດັ ດັ ເໝ ດາ ປັນ (Hôn nhân và gia đình)	2	
Bảy	27/12/2025	S	ພາສ 8 (tiếp): ປັນ ນາຍ ຖຸ ຈຸ (Bản làng người Thái)	2	Cầm Thị Lan Hương
			ພາສ 9: ງຸ ນ ນາຍ - ງຸ ນ ປອນ ຖຸ (Hỏi đường và hỏi chỗ ở)	1	
		C	ພາສ 9: ງຸ ນ ນາຍ - ງຸ ນ ປອນ ຖຸ (Hỏi đường và hỏi chỗ ở) (tiếp)	2	
			ພາສ 10: ຖອນ ເອ ຖຸ ຈຸ (Bầu chọn người lãnh đạo)	1	

Tuần 6: Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 03/01/2026

Hai	29/12/2025	S	ພາສ 10: ຖອນ ເອ ຖຸ ຈຸ (Bầu chọn người lãnh đạo)	3	Hà Thị Mai Hoa
		C	ພາສ 11: ປັນ ປັນ ງຸ ນ ບັນ ດັ ດັ ມື	3	
Ba	30/12/2025	S	ພາສ 11: ປັນ ປັນ ງຸ ນ ບັນ ດັ ດັ ມື (tiếp)	1	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສ 12: ງຸ ນ ມາ ນາຍ ມະ, ມີ, ຖຸ, ອາ ສ ນັ ດັ ນ (Hội thoại về mùa - ngày, giờ - Thời tiết, khí hậu)	2	
		C	ພາສ 13: ດວ ມ ປຸ ສ ປັນ ຂັ, ມີ ຂັ, ເວ ຂັ (Câu đố về các tháng gắn với thời tiết, các tháng có gì)	3	
Tư	31/12/2025	S	ພາສ 13: ດວ ມ ປຸ ສ ປັນ ຂັ, ມີ ຂັ, ເວ ຂັ (Câu đố về các tháng gắn với thời tiết, các tháng có gì) (tiếp)	1	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສ 14: ຖຸ ທັ ມີ ນັ ດັ ນ ປີ ປຸ ນັ ປອນ ນັ ດັ ດັ ຖຸ (Bảo vệ thiên nhiên và môi trường)	2	
		C	ພາສ 14: ຖຸ ທັ ມີ ນັ ດັ ນ ປີ ປຸ ນັ ປອນ ນັ ດັ ດັ ຖຸ (Bảo vệ thiên nhiên và môi trường) (tiếp)	2	
			ພາສ 15: ຄາ ມຸ ນ - ຄາ ປີ (Chim muông - thú rừng)	1	
Sáu	02/01/2026	S	ພາສ 15: ຄາ ມຸ ນ - ຄາ ປີ (Chim muông - thú rừng)	3	Hà Thị Mai Hoa
		C	ພາສ 16: ຂາຍ ອັນ ມະ ນ ນາຍ ດັ ດັ ດັ ດັ (Lễ hội tốt đẹp của người Thái) (tiếp)	3	
Bảy	03/01/2026	S	ພາສ 16: ຂາຍ ອັນ ມະ ນ ນາຍ ດັ ດັ ດັ ດັ (Lễ hội tốt đẹp của người Thái) (tiếp)	1	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສ 17: ຂັນ ເອ ນ ນັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ (Trang phục của người Thái)	2	
		C	ພາສ 17: ຂັນ ເອ ນ ນັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ (Trang phục của người Thái) (tiếp)	1	
			ພາສ 18: ຖຸ ທັ ມີ ທັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ ດັ (Giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc)	2	

Tuần 7: Từ ngày 05/01/2026 đến ngày 10/01/2026

Hai	05/01/2026	S	ພາສາ 18: ກູ້ ພັ ວັ ງອບ ງຸ້ ກຸ້ ພັ ພັ ພັ (Giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc) (tiếp)	2	Hà Văn Trang
			ພາສາ 19: ວັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Việt Nam yêu thương)	1	
		C	ພາສາ 19: ວັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Việt Nam yêu thương) (tiếp)	2	
			ພາສາ 20: ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Các dân tộc sinh sống ở tỉnh Sơn La)	1	
Ba	06/01/2026	S	ພາສາ 20: ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Các dân tộc sinh sống ở tỉnh Sơn La) (tiếp)	2	Hà Văn Trang
			ພາສາ 21: ອາວ ອັ ພັ ພັ ພັ (Đoàn kết các dân tộc)	1	
		C	ພາສາ 21: ອາວ ອັ ພັ ພັ ພັ (Đoàn kết các dân tộc) (tiếp)	1	
			ພັ ພັ ພັ ພັ 2 (Kiểm tra bài số 2)	2	
Tur	07/01/2026	S	ພາສາ 22 : ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Bác Hồ trong trái tim đồng bào Tây Bắc)	3	Hà Văn Trang
		C	ພາສາ 22 : ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Bác Hồ trong trái tim đồng bào Tây Bắc)	2	
			ພາສາ 23: ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Các đảng viên ưu tú của người Thái)	1	
Năm	08/01/2026	S	ພາສາ 23 (tiếp): ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Các đảng viên ưu tú của người thái) (tiếp)	3	Hà Văn Trang
		C	ພາສາ 24: ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Công ơn Đảng và Bác Hồ)	3	
Sáu	09/01/2026	S	ພາສາ 24: ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ ພັ (Công ơn Đảng và Bác Hồ) (tiếp)	1	Hà Văn Trang
			ພາສາ 25: ພັ ພັ ພັ ພັ (Làm mùa vụ ba)	2	
		C	ພາສາ 25: ພັ ພັ ພັ ພັ (Làm mùa vụ ba) (tiếp)	2	
			ພາສາ 26: ພັ ພັ ພັ (Trồng cà phê)	1	
Bảy	10/01/2026	S	ພາສາ 26: ພັ ພັ ພັ (Trồng cà phê) (tiếp)	2	Hà Văn Trang
			ພາສາ 26: ພັ ພັ ພັ (Trồng cà phê) (tiếp)	1	
		C	ພາສາ 27: ພັ ພັ (Khéo tay)	3	

Tuần 8: Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 17/01/2026

Hai	12/01/2026	S	ພາສາ 27: ທຸ ກຸ້ (Khéo tay) (tiếp)	1	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສາ 28: ຕັດ ຈັດ ນັບ ຂໍ ເອົາ ພັດ ພາດ ພາດ (Tăng gia, sản xuất)	2	
		C	ພາສາ 29: ພັນ ຂາ ອາ ຈັດ (Như con cô giáo)	3	
Ba	13/01/2026	S	ພາສາ 29: ພັນ ຂາ ອາ ຈັດ (Như con cô giáo) (tiếp)	1	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສາ 30 ໂຕ ຂໍ ຈັດ (Chữ Thái)	2	
		C	ພາສາ 30 ໂຕ ຂໍ ຈັດ (Chữ Thái) (tiếp)	2	
			ພາສາ 31: ແນວ ຈັດ ພັດ ພາດ ຂໍ (Tại sao gọi là chữ)	1	
Tur	14/01/2026	S	ພາສາ 31: ແນວ ຈັດ ພັດ ພາດ ຂໍ (Tại sao gọi là chữ) (tiếp)	2	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສາ 32: ຈາ ພັດ ອາວ ຕັດ ມັ (Đừng nghe lời bói toán)	1	
		C	ພາສາ 32: ຈາ ພັດ ອາວ ຕັດ ມັ (Đừng nghe lời bói toán) (tiếp)	3	
Năm	15/01/2026	S	ພາສາ 32: ຈາ ພັດ ອາວ ຕັດ ມັ (Đừng nghe lời bói toán) (tiếp)	1	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສາ 33: ພັດ ພັດ (Phòng bệnh)	2	
		C	ພາສາ 33: ພັດ ພັດ (Phòng bệnh) (tiếp)	3	
Sáu	16/01/2026	S	ພາສາ 34: ຈັ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ (Giữ gìn vệ sinh nơi sinh sống)	3	Hà Thị Mai Hoa
		C	ພາສາ 35: ພັດ ອາວ ຕັດ ພັດ ພັດ ພັດ (Hút thuốc phiện người tốt trở thành kẻ xấu)	3	
Bảy	17/01/2026	S	ພາສາ 35: ພັດ ອາວ ຕັດ ພັດ ພັດ ພັດ (Hút thuốc phiện người tốt trở thành kẻ xấu) (tiếp)	2	Hà Thị Mai Hoa
			ພາສາ 36: ຈັ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ (Truyền thống yêu nước và bảo vệ tổ quốc của người Việt Nam)	1	
		C	ພາສາ 36: ຈັ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ (Truyền thống yêu nước và bảo vệ tổ quốc của người Việt Nam) (tiếp)	3	

Tuần 9: Từ ngày 19/01/2026 đến ngày 21/01/2026

Hai	19/01/2026	S	ພາສາ 37: ຈັ ພັດ ພັດ ພັດ (Bảo vệ biên cương)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 37: ຈັ ພັດ ພັດ ພັດ (Bảo vệ biên cương) (tiếp)	1	
			ພາສາ 38: ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ ພັດ (Gương người tốt bảo vệ an ninh tổ quốc)	2	

Ba	20/01/2026	S	ພິມ ພາສາ 3 (Kiểm tra bài số 3)	2	Cầm Thị Lan Hương
			ພາສາ 39: ແອບ ເຂົ້າ ຈົນ ປິ ດັວ (Ôn tập hết khoá)	1	
		C	ພາສາ 39: ແອບ ເຂົ້າ ຈົນ ປິ ດັວ (Ôn tập hết khoá) (tiếp)	3	
Tư	21/01/2026	S	ພາສາ 39: ແອບ ເຂົ້າ ຈົນ ປິ ດັວ (Ôn tập hết khoá) (tiếp)	3	Cầm Thị Lan Hương
		C	ພາສາ 39: ແອບ ເຂົ້າ ຈົນ ປິ ດັວ (Ôn tập hết khoá) (tiếp)	3	

Tuần 10: Từ ngày 30/01/2026 đến ngày 31/01/2026

Bảy	30/01/2026	S	Dự kiến thi kết thúc khóa học. Chấm bài.	Ban coi, chấm thi
		C	Dự kiến thi kết thúc khóa học. Chấm bài.	Ban coi, chấm thi
Chủ nhật	31/01/2026	S	Dự kiến thi kết thúc khóa học. Chấm bài.	Ban coi, chấm thi
		C	Dự kiến thi kết thúc khóa học. Chấm bài.	Ban coi, chấm thi

Tuần 11: Từ ngày 04/02/2026 đến ngày 06/02/2026: Xét công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ

II. Thời gian biểu

Tiết	Thời gian (Sáng)	Tiết	Thời gian (Chiều)	Tiết	Thời gian (Tối)
1	7h25 đến 8h10	5	13h25 đến 14h10	9	19h00 đến 19h45
2	8h15 đến 9h00	6	14h15 đến 15h00	10	19h50 đến 20h35
3	9h05 đến 9h50	7	15h05 đến 15h50	11	20h40 đến 21h25
4	9h55 đến 10h40	8	15h55 đến 16h40	12	21h30 đến 22h15

III. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên	Đơn vị	Học vị	Ghi chú
1	Hà Văn Trang	Khoa Bồi Dưỡng	CN	
2	Hà Thị Mai Hoa	Khoa Bồi Dưỡng	Thạc sĩ	
3	Vì Thị Thanh	Khoa Bồi Dưỡng	Thạc sĩ	
4	Cầm Thị Lan Hương	Khoa Bồi Dưỡng	Thạc sĩ	

NGƯỜI LẬP



Cầm Thị Lan Hương

KHOA BỒI DƯỠNG



Lò Mai Thoan

PHÒNG ĐÀO TẠO



HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Long